

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Mẫu biểu số 60

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Phần thu		Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi		Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1		2	3	4	5	6		7	8	9	10
Tổng số thu						Tổng số chi					
A	Tổng thu cân đối ngân sách	22,407,479	11,329,635	8,977,835	2,100,009	A	Tổng số chi cân đối ngân sách	21,963,736	11,278,180	8,754,780	1,930,776
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6,517,373	4,306,047	1,715,123	496,203	1	Chi đầu tư phát triển	4,223,061	2,028,862	1,686,245	507,954
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2,940,872	2,087,416	791,481	61,975	2	Chi trả nợ gốc	31,000	31,000	-	-
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-				3	Chi thường xuyên	7,271,482	2,059,050	4,104,627	1,107,805
4	Thu kết dư năm trước	1,218,640	60,121	906,465	252,054	4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000	-	-
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	1,204,434	858,410	302,464	43,560	5	Chi chuyển nguồn	3,079,558	1,519,555	1,307,168	252,835
6	Thu từ cấp dưới nộp lên	55,136	-	55,136	-	6	Chi thực hiện cải cách tiền lương	217,515	20,470	197,045	-
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10,466,292	4,012,909	5,207,166	1,246,217	7	Chi trích lập Quỹ phát triển đất	27,500	27,500	-	-
	Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	5,872,586	2,768,119	2,602,978	501,489	8	Chi từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh	122,306	-	122,306	-
	- Bổ sung có mục tiêu	4,593,706	1,244,790	2,604,188	744,728	9	Chi CTMT vốn SN	53,364	53,364		
8	Thu vay của ngân sách địa phương	4,732	4,732			10	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	7,310	-	264	7,046
						11	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	6,453,383	5,207,166	1,246,217	-
						12	Chi nộp ngân sách cấp trên	55,136	-	-	55,136
						13	Chi đầu tư các dự án CNTT	109,222	109,222		

Phần thu		Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi		Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1		2	3	4	5	6		7	8	9	10
						14	Chi thực hiện chính sách tinh giảm biên chế	39,912	10,000	29,912	
						15	Chi hoàn trả tạm ứng bù hụt thu NSTW	60,000	60,000		
						16	Chi dự phòng ngân sách	211,987	150,991	60,996	
Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)		443,743	51,455	223,055	169,233						